

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HSST

Ngày 01/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thiện Lợi;
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2023/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/HSST-QĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo: **Tổng Thị P**, sinh ngày 11/02/1983, nơi sinh: Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 38/178, đường N, phường D, quận L, thành phố H; nơi ở hiện nay: Số nhà L4B/107, khu chung cư H1, xã A, huyện A1, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Tổng Xuân P1 và bà Nguyễn Thị K; Chồng: Không có, con: Có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

*** Bị hại:** Ông Trần Văn H2, sinh năm 1962 (đã tử vong).

Người đại diện:

- Bà Trần Thị N1, sinh năm 1963, nơi cư trú: Thôn Q, xã V, thành phố T (Là vợ ông H2);

- Chị Trần Thị H3, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn Q, xã V, thành phố T (Là con ông H2);

- Anh Trần Văn Q1, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn Q, xã V, thành phố T (Là con ông H2);

- Chị Trần Thị H4, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, thành phố T (Là con ông H2);

Người được người đại diện của bị hại ủy quyền: Anh Trần Văn Q1, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn Q, xã V, thành phố T.

* **Người làm chứng:** Anh Hoàng Văn V1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà 284, đường L1, tổ 03, phường T1, thành phố T, tỉnh T.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, vắng mặt những người tham gia tố tụng khác).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 17/5/2022, Tống Thị P (có giấy phép lái xe theo quy định, không sử dụng rượu bia hoặc chất kích thích khác) điều khiển xe ô tô biển số đăng ký 15A - 924.96 đi từ xã X, huyện X1, tỉnh N2 qua tỉnh T để về thành phố H. Khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, P điều khiển xe đi trên đường tránh phía Nam, hướng từ ngã tư đường tránh phía Nam giao với đường H5. Khi P điều khiển xe đi đến ngã tư đường tránh phía Nam giao với đường liên thôn L2, xã V, thành phố T, P điều khiển xe đi trên làn đường bên trong giáp với dải phân cách cố định bằng bê tông, chiều đường rộng 10 mét giao với đường liên thôn là đường không ưu tiên rộng 5,5 mét. Hai đầu đường liên thôn vào ngã tư có gờ giảm tốc. Trên dải phân cách cố định và lề đường có cắm các cột biển báo “Cấm đi ngược chiều”; “Nơi đường giao nhau với đường không ưu tiên”, không có phương tiện đỗ đậu, không có vật cản che khuất tầm nhìn. P điều khiển xe ô tô với tốc độ 60 - 65 km/h. Do không chú ý quan sát và cũng không giảm tốc độ nên khi đi vào ngã tư P mới phát hiện thấy phía trước cùng chiều đi của P có 01 xe mô tô biển số đăng ký 17B1 - 913.07 do ông Trần Văn H2 điều khiển đi trên đường liên thôn hướng từ thôn Hưng Đạo về thôn L2, xã V, cắt ngang qua đường tránh phía Nam (hướng từ trái sang phải theo chiều đi của xe ô tô P điều khiển) đang đi đến làn đường giáp dải phân cách cứng. Lúc này P nhả chân ga sang chân phanh và đánh lái sang phải, nhưng do khoảng cách gần, tốc độ điều khiển xe nhanh nên phía trước bên phải đầu xe ô tô đã va với mặt lấn má lốp bên phải lốp bánh trước và mặt ngoài cang bên phải bánh trước xe mô tô do ông Trần Văn H2 điều khiển, làm ông H2 văng người lên và đập đầu vào kính chắn gió phía trước xe ô tô rồi rơi xuống mương nước bên đường. Xe ô tô của P tiếp tục đẩy xe mô tô nằm kẹt dưới gầm xe đi về phía trước 38,5 mét thì dừng lại ở lề đường bên phải theo chiều đi. Xe mô tô đổ nghiêng trái trên mặt đường nằm tiếp giáp dưới gầm ba đờ xóc phía trước đầu xe ô tô. Hậu quả ông Trần Văn H2 bị đa chấn thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T, cùng ngày chuyển lên Bệnh viện H6 điều trị đến ngày 26/6/2022 ông H2 tử vong tại gia đình.

Bản kết luận giám định số 169/KL-KTHS(PY) ngày 28/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận giám định tử thi ông Trần Văn H2.

Bản kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số 6206/KL-KTHS, ngày 20/10/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Ông Trần Văn H2 bị viêm phế quản phổi nặng do Pseudomonas là hậu quả ông H2 bị đa chấn thương sau tai nạn giao thông phải nằm viện điều trị dài ngày.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi vi phạm như bản cáo trạng nêu là đúng.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKSTPTB ngày 04/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Tổng Thị P về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Tổng Thị P cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A1, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc cơ quan Điều tra đã trả lại cho anh Trần Văn Q1 chiếc xe mô tô biển số đăng ký 17B1 - 913.07; đã trả cho bị cáo chiếc xe ô tô biển số đăng ký 15A - 924.96; trả cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số hạng B1 mang tên Tổng Thị P.

* Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại, nay đại diện bị hại không yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

* Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại, không có ý kiến gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ và được chứng minh bằng:

- Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông và bản ảnh khám nghiệm phương tiện.

- Biên bản khám nghiệm tử thi; Bản ảnh tử thi.

- Khám nghiệm mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số: 17B1 - 913.07.

- Khám nghiệm xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Kona, biển số 15A - 924.96.

- Kết luận giám định số 169/KL-KTHS(PY) ngày 28/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận giám định tử thi ông Trần Văn H2:

- Kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số 6206/KL-KTHS, ngày 20/10/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công An.

- Biên bản ghi lời khai của đại diện bị hại, lời khai người làm chứng.

- Biên bản thỏa thuận bồi thường.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã vi phạm khoản 23 Điều 8 và khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ (Quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải) làm chết một người.

Điều 8. Luật giao thông đường bộ quy định: Các hành vi bị nghiêm cấm.

...

23. Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ

Điều 12. Luật giao thông đường bộ quy định: Tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo.

...

Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải: Các trường hợp phải giảm tốc độ:

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

...

3. Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức; nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; đường vòng; đường có địa hình quanh co, đèo dốc; đoạn đường có mặt đường hẹp, không êm thuận;

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 17/5/2022, Tổng Thị P điều khiển xe ô tô biển số đăng ký 15A - 924.96 đi trên đường tránh phía Nam hướng từ ngã tư đường tránh phía Nam giao với đường H5. Khi đi đến ngã tư đường tránh phía Nam giao với đường liên thôn thuộc thôn L2, xã V, thành phố T, tỉnh T do không chú ý quan sát, không giảm tốc độ để đảm

bảo an toàn khi đi vào ngã tư nên mặt ngoài ba đờ xóc phía trước bên phải xe ô tô do P điều khiển đã va chạm với mặt lắn má lốp bên phải lốp bánh trước và mặt ngoài cang bên phải bánh trước xe mô tô biển số đăng ký 17B1 - 913.07 do ông Trần Văn H2 điều khiển đi trên đường liên thôn hướng từ thôn Hưng Đạo về thôn L2, xã V cắt ngang qua đường tránh phía Nam (hướng từ trái sang phải theo chiều đi của xe ô tô P điều khiển). Ông H2 bị văng người lên đập đầu vào kính chắn gió phía trước xe ô tô rồi rơi xuống mương nước bên đường, ông H2 bị đa chấn thương, phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T, cùng ngày chuyển lên Bệnh viện H6 điều trị đến ngày 26/6/2022 ông H2 tử vong tại gia đình.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Điều 260 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

...

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm an toàn, trật tự công cộng. Đã gây tâm lý hoang mang, lo ngại cho quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông. Hiện nay mật độ người và phương tiện tham gia giao thông ngày càng tăng, để hạn chế tai nạn giao thông thì Nhà nước đã có quy định rất chặt chẽ, cụ thể đối với hành vi và điều kiện bắt buộc, cần thiết đối với người tham gia giao thông nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của nhân dân. Bị cáo không chú ý quan sát nên khi phát hiện thấy ông H2 thì khoảng cách đã quá gần, bị cáo không kịp giảm tốc độ và ông H2 có một phần lỗi, khi điều khiển xe mô tô không giữ khoảng cách an, khi ông H2 đi từ đường nhánh vào đường ưu tiên không nhường cho xe ô tô chạy trên đường ưu tiên nên xe ô tô bị cáo điều khiển đã va chạm vào ông H2 gây hậu quả làm ông H2 tử vong, vì vậy hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường thiệt hại cho đại diện bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết này được giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị hại có một phần lỗi, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo và gia đình bị hại việc thỏa thuận bồi thường về dân sự đã xong, nay đại diện bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng: Chấp nhận việc cơ quan Điều tra đã trả lại cho anh Trần Văn Q1 chiếc xe mô tô biển số đăng ký 17B1 - 913.07; đã trả cho bị cáo chiếc xe ô tô biển số đăng ký 15A - 924.96, trả cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số hạng B1 mang tên Tổng Thị P.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và đại diện bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260 điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 65; Điều 46 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Tổng Thị P phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Tổng Thị P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tổng Thị P cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A1, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo Tổng Thị P thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Tổng Thị P cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo và đại diện bị hại đã thỏa thuận bồi thường về trách nhiệm dân sự, nay đại diện bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

4. Xử lý vật chứng: Trả cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số hạng B1 mang tên Tổng Thị P.

(Vật chứng của vụ án Công an thành phố Thái Bình đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 04/01/2022).

5. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/3/2023). Đại diện bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Tuyết